

## BẢN SẮC MỸ THUẬT THĂNG LONG QUA CÁC NGÔI CHÙA HÀ NỘI

ThS Trang Thanh Hiền\*

Phật giáo được truyền vào Việt Nam khá sớm, ngay từ những ngày đầu Công nguyên theo đường bộ và đường thủy bằng các phương cách khác nhau. Vào cuối thế kỷ II, trị sở của quận Giao Chỉ lúc đó là Luy Lâu đã trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn của nước ta<sup>1</sup>. Từ Luy Lâu, Phật giáo được truyền sang trung tâm Bành Thành và Lạc Dương. Từ thế kỷ II cho đến thế kỷ IX, Phật giáo đã phát triển một cách nhanh chóng và ghi nhận những thành tựu đáng kể với sự xuất hiện của các dòng Thiền. Thời Đinh - Tiền Lê, Phật giáo đã đóng vai trò không nhỏ trong việc hình thành và xây dựng một quốc gia phong kiến. Việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La rồi đổi tên thành Thăng Long và việc Lý Công Uẩn lên ngôi mở ra một triều đại mới có sự đóng góp không nhỏ của các thế hệ Thiền sư.

Để kiến tạo nên một trung tâm văn hoá - chính trị - tôn giáo của cả nước ở Thăng Long, các ngôi chùa đã được dựng lên như sự biểu dương của thế quyền và thần quyền. Do đó các ngôi chùa Hà Nội không chỉ đơn thuần ghi nhận những dấu ấn của lịch sử Phật giáo, mà chúng còn ghi nhận dấu ấn của việc tạo dựng vương triều. Những ngôi chùa như chùa Kiến Sơ, chùa Trấn Quốc, chùa Diên Hựu... đã là các địa điểm quan trọng nơi kiến tạo nên hệ tư tưởng độc lập với phương Bắc thông qua vai trò của các Thiền sư như Định Không, Pháp Hiền, Vạn Hạnh... Đây cũng là nơi hội tụ của các dòng Thiền như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, rồi Trúc Lâm (thời Lý - Trần), đến thế kỷ XVII, XVIII trở về sau là dòng Lâm Tế và Tào Động. Ngay cả trong những giai đoạn mà Phật giáo bị hạn chế nhất như thời Lê sơ (thế kỷ XV), thì ở đất Thăng Long vẫn có những ngôi chùa được dựng như chùa Kim Liên (1443). Điều này chứng tỏ cho dù triều đại nào, Phật giáo thịnh hay suy thì vai trò tâm linh của các ngôi chùa ở Hà Nội vẫn chiếm một vị thế quan trọng. Song song với sự thăng trầm của các triều đại và Phật giáo, nghệ thuật tạo hình trong các ngôi chùa trên đất Hà Thành chính là những chứng tích quan trọng ghi nhận các dấu ấn lịch sử đó. Chúng còn là sự tích hợp của nhiều giá trị văn hoá bản sắc Thăng Long như: ghi nhận sự phát triển của các thành tựu kiến trúc, hội tụ các giá trị điêu khắc đỉnh cao. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc trên gỗ, đá, trên các tượng Phật, văn bia

---

\* Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.

này đã góp thêm những chứng tích vật chất quan trọng trong dòng chảy văn hoá nghệ thuật nghìn năm Thăng Long.

Vào thời Lý, việc xây dựng các chùa chiền trên đất Thăng Long đã được chia ra làm ba dạng loại chính: Đại danh lam, Trung danh lam và Tiểu danh lam. Chúng cũng ứng với các dạng chùa như chùa vua - quốc tự, chùa quý tộc và chùa làng. Có thể nói sự phân chia này cho đến ngày nay vẫn có giá trị để có thể nhận diện được một ngôi chùa và sự đầu tư công sức của lịch sử cho chúng. Tất nhiên, qua những thăng trầm, một số ngôi chùa ban đầu là chùa làng, sau này đã dần được cải biến thành chùa Quý tộc, hoặc trở thành chùa vua.

Đặc điểm của Hà Nội, các phố phường Hà thành xưa vốn là sự phát triển từ các làng quê lên, nên ở mỗi ngôi làng thường có một đình làng và một chùa làng. Do đó bên cạnh những ngôi chùa có vị trí trọng yếu thuộc hàng quốc tự được coi sóc rất cẩn chu, thì những ngôi chùa làng, trải qua quá trình phát triển lâu dài, đã tiếp thu các chuẩn mực từ các ngôi chùa trên để tạo nên những giá trị cho riêng mình. Đây là đặc tính tự nhiên của sự tiếp biến văn hoá và để lại những sự chuyển biến trong nghệ thuật kiến trúc cũng như điêu khắc ở các ngôi chùa vốn là chùa làng nay thành chùa phố. Bên cạnh đó, sự biến động nhanh và mạnh của các ngôi chùa hàng quốc tự, nên đôi khi người ta lại tìm thấy những sự bảo lưu nghệ thuật rất rõ ràng trong các ngôi chùa làng ở nội thị hoặc ven đô.

Sự thăng trầm của lịch sử cũng dẫn đến việc đa phần các ngôi chùa được xếp vào hàng quốc tự xưa kia trên đất Thăng Long, cho đến ngày nay có lẽ chỉ giữ lại được mặt bằng, một vài hiện vật đá hay gỗ, còn lại đa phần là các tác phẩm nghệ thuật của thế kỷ XVIII, XIX. Bởi một lẽ đơn giản, các chùa xưa thường bị cháy cùng với thành Thăng Long và sự sụp đổ của các triều đại phong kiến. Đến khi được dựng lại vào các thế kỷ này, hoặc do các sự kiện chính trị, hoặc do thiếu ý khác nhau về sự hoàng dương Phật pháp, tâm đức của mỗi thời đại khác nhau mà các ngôi chùa quốc tự ở Hà Nội, đã được dựng lại gần như toàn bộ. Các công trình này lại do các hoàng thân, quốc thích, hay các ông vua ban tiền xây dựng. Việc đúc chuông, làm tượng hay mở rộng mặt bằng cũng theo đó được hưng công. Sự đóng góp của dân chỉ chiếm một phần nhỏ, để gìn giữ tu bổ khi ngôi chùa đó thuộc về làng, hoặc phường phố quản lý sau đó.

Các sự kiện xây dựng chùa do các hoàng thân quốc thích hay các ông vua đứng ra hưng công không chỉ cải hoá những ngôi chùa có niên đại cổ xưa thành các ngôi chùa mới to lớn hơn, mang phong cách đương thời, và tiếp thu cả những giá trị chuẩn mực của nghệ thuật thế giới lúc bấy giờ từ nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc và cả Champa. Do đó các ngôi chùa hàng quốc tự trên đất Thăng Long không chỉ là sự hội tụ, kết tinh các giá trị văn hoá Việt từ địa phương dồn về trung tâm mà còn là sự ghi nhận lý tưởng thẩm mỹ của các triều đại phong kiến cũng như sự giao lưu tiếp biến văn hoá trong khu vực. Chúng đã góp phần hình thành nên bản sắc của văn hoá mỹ thuật Thăng Long.

### **1. Kiến trúc chùa Hà Nội và sự tích hợp các giá trị nghệ thuật**

Có thể nói việc tạo dựng các ngôi chùa ở Hà Nội, không chỉ đơn thuần là tạo dựng nên một không gian tín ngưỡng, đặc biệt ở các ngôi chùa hàng quốc tự còn mang những giá trị biểu tượng. Chúng hàm chứa những triết lý Phật giáo, thậm chí cả những triết lý Nho giáo và cả các yếu tố về vương triều.

1) Chùa Diên Hựu là một điển hình. Cho dù biểu tượng bông sen là một biểu tượng tìm thấy hầu khắp trong các ngôi chùa Việt, và chùa Diên Hựu cũng không phải là một sáng tạo độc đáo duy nhất được phát kiến từ thời Lý, từ giấc mơ của vua Lý, mà nó chỉ là một hình thức làm cho Phật giáo trở nên rạng rỡ với hào khí Thăng Long buổi đầu dựng nước. Việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long của Lý Công Uẩn là bước chân đầu tiên lập nên một nhà nước độc lập tự chủ với phương Bắc. Ngôi chùa Nhất trụ ngay sát Kinh đô Hoa Lư vốn được xem là quốc tự nơi Lê Hoàn, Đinh Liễn đã thay nhau dựng những cột kinh để cầu cho sự vững bền của triều đại. Do đó việc dựng nên một ngôi chùa phía Tây của Hoàng thành Thăng Long ngay sau khi dời đô có thể xem là cách các ông vua tạo nên sự nhắc nhớ đến cố đô nhưng đồng thời sáng lập nên một giá trị mới. Nó là sự quy tụ các giá trị nghệ thuật về trung tâm, và để xứng tầm đối với một kinh đô mới.

Cho dù chùa Diên Hựu ngày nay không còn giữ được dáng vẻ của kiến trúc xưa, nhưng thông qua các văn bia ghi tả lại thì ngôi chùa Diên Hựu trong lịch sử là một biểu tượng rực rỡ ở Thăng Long. “Mở chùa Diên Hựu, ở tại vườn Tây. Dấu vết theo quy mô thừa trước; lo toan thánh ý ngày nay. Đào ao thơm Linh Chiếu, giữa ao trời lên một cột đá, trên cột có một đoá hoa sen nghìn cánh xoè ra. Trên hoa dựng ngôi đền đỏ sẫm; trong đền đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ao có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại đào ao bích trì, cầu bắc cong để đi lại. Ở sân trước cầu, hai bên tả hữu xây tháp báu lưu ly...”<sup>2</sup>. Từ một mẫu hình đơn giản của ngôi chùa Nhất trụ đặt trên một cái cột lớn dựng trên đất, đã trở thành một biểu tượng bông sen nghìn cánh khổng lồ nở giữa một ao sen (bích trì). Tháp báu được xây, cầu cong được dựng, hợp thức hoá với một giấc mơ linh thiêng. Từ Lý Thái Tông, Nhân Tông, cho đến Thánh Tông, đời đời chùa đã được sửa sang cho ngày càng đẹp đẽ, xứng với một ngôi chùa hàng quốc tự. Nó mang biểu tượng của một tư duy Phật giáo, phản ánh sự tiếp nhận các giá trị văn hoá, mỹ thuật từ nhiều góc độ khác nhau. Kiến trúc chùa Diên Hựu có thể xem là một dạng biến thể của thức kiến trúc tháp hoa sen, đã tồn tại trong các giai đoạn trước đó và chiếm vị trí trung tâm của ngôi chùa. Đến chùa Diên Hựu, dạng thức này đã được nâng lên tầm một giá trị mới kết hợp giữa biểu tượng tháp và kiến trúc lầu gác. Tất cả đã tạo dựng nên một bình đồ Mandala của Mật tông với thức hình tròn được lồng trong hình vuông, rồi hình vuông lại được bao bọc bởi hình tròn. Biểu tượng Quan Âm đặt giữa lầu các đó chính là sự giáo hoá đến chúng sinh và cũng là biểu tượng của Tịnh Độ tông và có thể xem là sự hợp nhất của các giáo lý Thiền, Tịnh, Mật. Rồi biểu tượng bông sen nghìn cánh trong hoa tạng thế giới giống như trục vũ trụ xoay vần trời đất, thu hút tinh hoa để tạo vượng khí dài lâu cho đất Thần Kinh. Tương tự như vậy, việc cầu cho vua được sống lâu muôn tuổi, cũng chính là hàm nghĩa về một quốc gia thịnh vượng lâu bền.

Không xa chùa Diên Hựu về phía bắc kinh thành, ngôi chùa Trấn Quốc, là nơi quy tụ các dòng thiền, từ Tì Ni Đa Lưu Chi cho đến Vô Ngôn Thông và khi Lý triều thịnh vượng thì đây cũng là nơi hoàng dương Phật pháp của thiền sư Thảo Đường. Mặc dầu trên quê hương nhà Lý, các ngôi chùa như Cổ Pháp, Pháp Vân (Dâu), Kiến Sơ là nơi phát tích của các dòng Thiền này, nhưng để tạo dựng nên một trung tâm hành chính tôn giáo quốc gia, thì sự hợp nhất này vào ngôi chùa kề sát kinh đô đã góp phần tăng lực, hỗ trợ cho một vương quyền non trẻ. Nó cần đến thần quyền như một chỗ dựa vững chắc để tạo nên uy thế đối mặt với một quốc gia hùng mạnh ở phương Bắc. Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà ngôi chùa này có tên ban đầu là Khai Quốc, rồi được cải thành Trấn Quốc mà dựng ở phía bắc kinh thành.

Đến thời Hậu Lê, biểu tượng hoa sen lại được kế thừa trong kiến trúc chùa Kim Liên - doạ sen vàng nổi trên mặt nước Hồ Tây, vừa là một biểu tượng thơ mộng, nhưng đồng thời cũng cho thấy vai trò Phật giáo mỗi thời lại có những vị thế khác nhau. Hình tượng hoa sen được lưu giữ và hiện diện trong kiến trúc chùa Kim Liên từ Tam quan cho đến điện Phật khác hoàn toàn với giá trị biểu dương Phật pháp của thời Lý, đồng thời còn là sự gửi gắm một ý nghĩa khác. Ngôi chùa Kim Liên được dựng từ thời Lê sơ theo sự ghi nhận của văn bia 1443 cho đến nay đã hoàn toàn không còn chút dấu tích nào. Chùa Kim Liên ngày nay là ngôi chùa do các đời chúa Trịnh dựng lên. Nó vốn là chùa Bảo Lâm dựng phía bắc phủ chúa, đến cuối thế kỷ XVIII được dời chuyển về đây và dường như bảo lưu nguyên vẹn các giá trị kiến trúc. Ngoài biểu tượng bông sen, thì lối thức kiến trúc này còn mang biểu tượng chữ Vương lồng trong dạng thức chữ Tam. Nó đồng thời cũng chứa đựng các biểu tượng của dịch học<sup>3</sup> qua việc tạo nên các lớp mái chồng diêm, trùng thiềm điệp ốc. Điều này cho thấy bên cạnh các giá trị Phật giáo thì các yếu tố Nho giáo đã được hòa quyện vào đó để tạo nên những giá trị mới. Ở đó gửi gắm hàm nghĩa về vị thế “phi đế, phi bá” của các đời chúa Trịnh ở Thăng Long trong suốt hai thế kỷ XVII - XVIII, mà họ Trịnh đã muốn thoát ra để tạo dựng vương khí. Do đó vào thời chúa Trịnh Giang, thời đại thịnh trị nhất của quyền lực đã cho đồng thời dựng 2 ngôi chùa song sinh Kim Liên và Tây Phương, một ở nội đô và một ở ngoại thành vào năm 1736 - 1740.

Xét về phương diện tạo hình, chùa Kim Liên chính là sự tích hợp đa dạng kỹ thuật kiến trúc chạm khắc gỗ dân gian và được nâng lên thành tầm bác học. Chùa Kim Liên chính là sự hội tụ của các giá trị kiến trúc, như việc tạo dựng các hệ vì kèo chồng diêm hai tầng tám mái với hệ thống cột tròn được dựng trên các xà. Kỹ thuật này chỉ thực sự phát triển sau thế kỷ XVII, từ việc tạo dựng các gác chuông, lầu trống trong dân gian. Nhưng tính bác học trong kiến trúc ở đây đã được thể hiện trong sự tính toán tỷ lệ một cách cẩn trọng. Việc tạo ra hệ thống các chân song con tiện ở phần cổ diêm của tòa nhà đã kiến lập nên một thứ ánh sáng vừa đủ trong kiến trúc, làm điện Phật trở nên rục rỡ. Đồng thời hệ thống các cửa sổ sắc không cũng là một sáng tạo độc đáo bắt đầu được biết đến từ kiến trúc chùa Kim Liên đã làm nên sự mờ ảo lung linh chốn thiền viện. Hệ thống tàu đao mái lá vốn là kỹ thuật được sử dụng phổ biến trong các kiến trúc các đình làng ở đây đã được vận dụng để tạo dựng nên một giá trị hoàn toàn mới. Người ta đã thay thế biểu tượng các con kim ở đầu ngói lợp cày bằng biểu tượng bông sen. Rồi những đầu đao cong lên như những cánh sen đẹp đẽ và thanh thoát.

Kiến trúc Tam Quan chùa Kim Liên, ngoài việc tạo nên sự đồng nhất của biểu tượng bông sen ở chính điện của chùa, nó còn ghi nhận một hình thức kiến trúc vương phủ xưa, mà cho đến ngày nay chúng ta dường như đã không còn lưu giữ bất cứ dấu ấn nào. Nó vừa mang dáng dấp của kiến trúc bài lầu kế thừa trong kiến trúc cổ Trung Hoa, nhưng đồng thời đã được tiếp biến trong hệ thức văn hoá Việt Nam để tạo nên một giá trị độc đáo cho một ngôi chùa chốn kinh thành.

2) Nếu những ngôi chùa ở ngoại vi Hà Nội dường như vẫn còn giữ được những dáng nét xưa, thì trong công cuộc đô thị hoá nhanh và mạnh, các ngôi chùa ở nội đô dường như đã chịu một sức ép không nhỏ. Chùa xưa vốn được tạo dựng trên những vùng đất khoáng đạt, thì nay dường như đã thu mình bé lại. Những cổng chùa như chìm khuất trong các khu dân cư phố xá, giữa các dãy nhà cao tầng. Tuy nhiên, không phải vì thế mà các ngôi chùa lớn ở nội đô bị mất đi những giá trị là những trung tâm Phật giáo đất Hà Thành. Việc hòa vào không gian của phố xá cũng tạo nên một nét đặc trưng riêng cho các

ngôi chùa Hà Nội. Từ một cái cổng nhỏ, dẫn vào trong chùa lại là một không gian rộng lớn. Chùa Hà Nội, đặc biệt là các ngôi chùa có niên đại cổ xưa, thường mang những giá trị tích hợp kiến trúc rất lớn. Có thể người ta không còn tìm thấy những dấu tích của niên đại khởi dựng ban đầu, nhưng trên nền móng, các chân tảng vẫn ít nhiều cho biết dấu tích xa xưa. Kiến trúc gỗ cũng theo sự thăng trầm của Phật giáo qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, mà các ngôi chùa này được biến đổi và hội nhập thêm những giá trị kiến trúc mới. Thông thường bao giờ kiến trúc của điện Phật cũng là công trình có niên đại cổ nhất, còn các thành phần kiến trúc khác được dựng và thêm vào trong các giai đoạn sau. Do vậy sự hình thành của lối thức nội công ngoại quốc, hay nội đình ngoại quốc, không chỉ được nhìn thấy trong các ngôi chùa ở địa phương mà nó được nhìn thấy rất rõ ràng trong sự phát triển của các ngôi chùa trên đất đế kinh. Các kỹ thuật kiến trúc cũng được học tập và lan truyền.

Chùa Kim Liên vẫn được xem là một ví dụ tiêu biểu, ngoài việc tạo hình chữ Tam, rồi xây tường bao thành chữ Vương không chỉ mang những giá trị biểu tượng hàm ý đã nói đến ở trên, về phương diện giải pháp kiến trúc, nó còn tạo nên một hệ mặt bằng thống nhất. Giữa các tòa chùa được liên kết với nhau và tạo ra các hệ thống ống máng thoát nước mưa giữa các tòa đã được ứng dụng trong phần lớn các công trình dựng thêm sau thế kỷ XVIII. Kỹ thuật này khiến cho phong trào mở rộng tiền đường bằng việc xây thêm nhà bái đường phía trước trở nên phổ biến trong các ngôi chùa Hà Nội vào thế kỷ XIX tạo nên các dạng thức trùng thiềm điệp ốc. Từ việc nối máng giữa tiền đường dựng mới với bái đường, đến việc mang cả những giá trị kiến trúc vòm trần mai cua đặc trưng Huế ra Thăng Long cũng được tìm thấy trong các ngôi chùa Hà thành. Chùa Liên Phái, ngôi chùa được dựng trên nền cũ phủ chúa Trịnh Thập đầu thế kỷ XVIII, là một điển hình cho sự cải biến và tiếp thu các giá trị kiến trúc trên. Cái vòm trần mai cua nhìn thoáng qua thì tưởng chừng như lạc lõng với dòng thức kiến trúc cổ miền Bắc, nhưng phía bên ngoài nó lại được giải quyết bằng một mái nhỏ, khiến cho các nhịp mái trở nên liền mạch. Cách thức này đã tạo ra những hiệu quả tốt cho việc chống dột giữa hai tòa tạo liền nền và nâng cao hệ mái lên một chút so với việc tạo dựng hệ thống ống máng.

3) Cũng tùy theo địa thế khác nhau mà kiến trúc mỗi ngôi chùa trên đất Hà Thành đã tạo nên những sự linh hoạt nhất định. “Đất vua, chùa làng” là câu thành ngữ khẳng định vị thế độc lập của tôn giáo nơi làng xã. Với những ngôi chùa vua, hay những ngôi chùa hoàng tộc tuy được dựng trên đất làng ở Hà thành dường như lại có một vị thế khác hoàn toàn khác. Các di tích như vậy cũng chiếm một số lượng lớn, và nằm ở những địa thế quan trọng của Thủ đô.

Chùa Láng là một ví dụ, ngôi chùa vốn được dựng trên đất tương truyền là nơi chôn rau cắt rốn, nền nhà của cha mẹ đức Thánh Từ Đạo Hạnh. Chùa thờ Từ Đạo Hạnh và được phối thờ cùng vua Lý Thần Tông, vốn được xem là kiếp sau của đức Thánh. Có lẽ lối thờ kép này đã tạo nên nét đặc sắc riêng biệt trong kiến trúc cho ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh này trên đất Thăng Long xưa. Nó được biểu hiện ra rất rõ ràng trong kiến trúc là ngoài việc vừa có tam quan thờ Phật nhưng lại có nghi môn thờ Thánh. Chùa Láng còn đặc biệt hơn nữa bởi do chùa thờ vua, nên trên một mảnh đất rộng hơn 3000m<sup>2</sup> chùa đã được thiết kế thêm dạng thức cổng Tam Triều trước khi vào kiến trúc chính. Lối cổng Tam Triều này được thiết kế với hai trụ chính giữa và hai cổng phụ hai bên tạo thành ba lối đi, mà lối đi giữa được dẫn vào từ hai lối cổng nghi môn và tam quan. Việc xây ba lối đi riêng biệt này dường như chưa gặp bất cứ tiền lệ nào. Đối lập với sự ít phổ biến của

hình thức cổng Tam Triều thì dạng thức nghi môn của chùa Láng mặc dầu được xây khá muộn, khoảng cuối thế kỷ XIX đã lan truyền học tập ở khắp các nơi từ nội đô đến ngoại thành trong các kiến trúc đền, chùa, đình, quán như đền Kim Liên, chùa Tây Phương, chùa Long Đọi. Có lẽ lối thiết kế khá đơn giản mà lại bay bổng của ba bộ vì lừng được đặt trên lưng chừng các đồng trụ đã tạo nên một nét đẹp riêng. Sự ảnh hưởng lan truyền này đã cho thấy sức ảnh hưởng của các giá trị sáng tạo ở vùng đất trung tâm được coi như một chuẩn mực mới để các địa phương học tập. Có thể nói, kiến trúc chùa Láng đã góp một giá trị không nhỏ vào hệ thống các ngôi chùa thờ Từ Đạo Hạnh - một trong bốn vị Thánh bất tử của Việt Nam.

4) Bên cạnh những hình thức kiến trúc rất đa dạng, tích hợp các giá trị biểu tượng cũng như các giá trị nghệ thuật, thì các trang trí kiến trúc trong các ngôi chùa Hà Nội có lẽ cũng mang những giá trị bản sắc rất riêng. Các trang trí cửa vông có thể nói là dày đặc, tỉ mỉ, kỳ khu đến mức có những ngôi chùa dường như là sự đối lập hoàn toàn với vẻ đơn sơ giản dị bên ngoài. Các trang trí diềm cửa vông này cũng cho thấy thẩm mỹ tinh tế của đất kinh kỳ. Cho dù các chạm khắc này có niên đại khá muộn, khoảng thế kỷ XVII và chủ yếu là XVIII. Chúng có lẽ được ảnh hưởng nhiều từ thẩm mỹ cung đình, cũng như phủ chúa được dựng trên đất Thăng Long vào các thế kỷ này bởi trên đó gửi gắm đa dạng hệ thống các biểu tượng. Các biểu tượng này cũng không đơn thuần là Phật giáo mà là sự tích hợp của các hệ tư tưởng khác như Nho giáo và Đạo giáo. Ví dụ như cứu long phun nước, là bức chạm thường được ghép giữa hai bộ vì gian giữa của thượng điện, phía dưới là tượng Thích Ca Sơ Sinh. Chúng có ý nghĩa là những con rồng đất Phật tắm cho Thích ca ngày đản sinh. Ở một số chùa biểu tượng cứu long này còn được ghép với biểu tượng lưỡng long triều nhật, nguyệt, hoặc biểu tượng lưỡng long nghi. Nó chính là biểu tượng của sinh khí, linh thiêng. Ở nhiều ngôi chùa nếu không phải là cứu long thì các mảng chạm này được thay thế bằng biểu tượng lưỡng long triều nhật. Đôi khi hình tượng mặt trời ở đây lại được biểu tượng hoá bằng đoá hoa sen, hoa cúc, để tạo nên những mô típ Phật giáo sinh động đa hàm nghĩa. Trên thượng điện Tam bảo, những diềm cửa vông này thường bắt gặp chạm khắc biểu tượng cứu phẩm liên hoa. Chúng là biểu tượng của quả phúc mà người tu hành đạt được. Cũng nói thêm là, biểu tượng cứu phẩm liên hoa không chỉ tìm thấy trong các chạm khắc trang trí trong các chùa, mà nó còn ảnh hưởng sang những di tích không thuộc về Phật giáo như trên bái đường của Văn Miếu Quốc Tử Giám. Điều này cho thấy nghệ thuật có một sức lan tỏa rộng rãi. Và tương tự như vậy, những biểu tượng của Nho giáo, Đạo giáo cũng hiện diện như các hình thức như cuốn thư, bút sách, lẵng hoa, quả đào... Trên các trang trí kiến trúc này ghi nhận những thành tựu chạm khắc đạt đến độ tinh xảo với các kỹ thuật chạm lõng, chạm bong, kênh và đa phần là chạm thủng. Việc tạo ra các diềm cửa vông cầu kỳ, rực rỡ đã làm mềm đi các nét kiến trúc vốn đã rất đơn giản bởi các hàng cột và các vì kèo không mấy khi được trang trí.

Có thể thấy rằng, vì là đất kinh kỳ nên dường như qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, thì ngôi chùa ở Thăng Long cũng chính là nơi hội tụ đầy đủ các giá trị của nghệ thuật kiến trúc ở tứ phương dồn về. Về đến kinh đô, thì các giá trị kiến trúc này không chỉ đơn thuần là sự học tập tiếp thu, mà nó còn được nâng tầm lên thêm một giá trị mới. Từ yếu tố biểu tượng cho đến việc thiết kế không gian kiến trúc. Các ngôi chùa là sự lưu giữ lâu bền nhất những giá trị của nghệ thuật Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ. Bên cạnh những ưu điểm vượt trội đó, thì cũng chính vì vị trí trung tâm của những ngôi chùa này, mà ở chúng cũng chịu những tác động không nhỏ trong biến động xã hội hiện đại và quá trình đô thị hoá. Chúng vẫn phải thích ứng để tồn tại trong một diện mạo mới. Cho đến

hôm nay, các ngôi chùa Hà Nội vẫn tiếp tục được thay đổi, vẫn có thêm những hạng mục công trình kiến trúc mới, du nhập vào đó những kỹ thuật mới cũng như vật liệu mới.

## 2. Nghệ thuật điêu khắc và các tông phái Phật giáo

Nếu kiến trúc của các ngôi chùa Hà Nội chịu một sự tác động lớn lao của công cuộc đô thị hoá về mặt bằng, nghệ thuật điêu khắc Phật giáo lại có một đời sống ít nhiều bình lặng hơn. Có thể coi tượng Phật trong các ngôi chùa ở Hà Nội là một bảo tàng sống động về thế giới quan, vũ trụ quan Phật giáo và thẩm mỹ chốn thị thành

Người ta có thể dễ dàng nhận ra tính chất tích hợp một cách đa dạng các thể loại tượng trong một ngôi chùa Hà Nội. Đặc biệt trong các ngôi chùa lớn người ta có thể tìm thấy đầy đủ các bộ tượng quan trọng như: Tam Thế Phật, A Di Đà Tam Tôn, Hoa Nghiêm Tam Thánh, rồi tượng Tuyết Sơn, tượng Quan Âm, Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn, Quan Âm Toạ Sơn, Quan Âm Thị Kính... Bên cạnh đó là hệ thống các tượng thuộc bộ Thập điện Diên Vương, tượng Thánh Tăng và Đức Ông.

Đứng về mặt nghệ thuật tạo hình mà nói, đa phần các điêu khắc Phật giáo ở các chùa Hà Nội, thường mang nhiều tính chuẩn mực hơn so với các chùa ở các vùng nông thôn hoặc các vùng lân cận. Các điện Phật cho dù được dựng lên trong nhiều thời kỳ, giai đoạn khác nhau, nhưng dường như sự chênh lệch về tay nghề, thẩm mỹ giữa những pho tượng này là không đáng kể. Chúng chỉ ghi nhận những phong cách khác nhau, thông qua các hình thức biểu hiện, còn về mặt tỷ lệ tạo hình thì tính chất khuôn phép luôn được bộc lộ ra. Tính chất lý tưởng hoá trong các chân dung Phật giáo cũng được nhìn thấy. Sự cầu kỳ trong cách trang trí các dây anh lạc trước ngực Phật Thích Ca, Di Đà hay Quan Âm, các nút áo hay các vân kiên phủ vai hình lá sen. Đặc biệt là các mũ Thiên Quan, cách kết tóc của các tượng Quan Âm Bồ Tát cũng hết sức cầu kỳ. Các thể ngồi và cách kết ấn, các bảo pháp trong tay các vị Phật cũng rất được coi trọng. Đặc biệt ở các ngôi chùa do các hoàng thân quốc thích trực tiếp đứng ra hưng công thì các yếu tố trên càng được coi trọng. Sở dĩ có sự đều tay trên các tác phẩm điêu khắc ở đây chính do vai trò trung tâm của các ngôi chùa này. Tiềm lực về kinh tế, sự quan tâm của triều đình, sự lựa chọn các đội thợ có sự tinh tuyển từ dân gian. Đồng thời với vị trí thuộc đất đế kinh, nên rất nhiều các ngôi chùa hàng quốc tự đã được tiếp thu các phong cách nghệ thuật từ các nước lân cận và chủ yếu là Trung Quốc vào giữa thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX. Tuy nhiên sự tiếp thu này hoàn toàn không có tính rập khuôn, mà nó đã được biến chuyển một cách mềm mại với tâm thức Phật giáo Việt, nên những tác phẩm điêu khắc của Việt Nam vẫn rất gần gũi thân thương, cận nhân tình chứ không hề thị ụy.

Tính chất quy tụ tinh hoa về trung tâm cũng được nhìn thấy một cách rõ ràng trong các điêu khắc Phật giáo ở Hà Nội. Tượng Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân chùa Bút Tháp là một ví dụ điển hình. Đây vốn được xem là một tác phẩm chuẩn mực của thế kỷ XVII (1657). Nó đã được mang về Thăng Long trong ngôi chùa Chân Tiên (phố Bà Triệu), chùa Đại Áng (Thanh Trì) qua những phiên bản. Tượng Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhân được tạc trong thế đứng cũng được tìm thấy ở chùa Lý Nhân (Đông Anh). Pho tượng này cũng là pho tượng Quan Âm đứng nhiều tay duy nhất còn lại của thế kỷ XVIII. Tượng Phật Di Lạc chùa Long Đọi được nhìn thấy đáng dấu trong pho tượng Di Lạc chùa Trấn Quốc. Tượng Phật nhập Niết bàn, vốn là sản phẩm của Phật giáo Nam Tông, xuất hiện đa phần trong các ngôi chùa Lào và Thái Lan, cũng được hiện diện trong các ngôi chùa Bắc vào thế kỷ XVIII, như ở chùa Trấn Quốc, Tảo Sách, Bồ Đề. Những pho tượng cổ có kích thước

khổng lồ nhất miền Bắc trước thế kỷ XX cũng được hiện diện ở Hà Nội như tượng chùa Bà Đá, tượng Thích Ca Niêm Hoa, tượng A Di Đà cao đến hơn 3m. Các tượng Tứ Bồ Tát khổng lồ cũng có kích thước tương đương được tạo tác rất chau chuốt. Trên các tượng Bồ Tát, hay các trang trí chân bệ tượng này, người ta có thể nhận ra những yếu tố thẩm mỹ cung đình, như chiếc mũ của tượng Văn Thù, Phổ Hiền ở chùa Bà Đá; chân bệ tam thế chùa Liên Phái...

Hệ thống điện Phật ở các ngôi chùa Hà Nội, cũng phản ánh một cách rõ nét sự tích hợp của các tông phái Phật giáo, các quan niệm triết học, hay các lối tu như Thiền, Tịnh, Mật. Cho dù trên đại thể những ngôi chùa trên đất Hà Thành được bài trí tương đối giống nhau, nhưng người ta vẫn có thể nhận ra những sự khác biệt nhỏ trong cách thức bài trí này. Đặc biệt là ở các ngôi chùa tổ đình của các dòng Thiền như Lâm Tế, Tào Động của thế kỷ XVII. Với việc đề cao lối "truyền Tâm Ấn", các ngôi chùa này đã lấy hình tượng Thích Ca Niêm Hoa làm trung tâm của điện Phật như ở chùa Bà Đá, Trấn Quốc, Liên Phái, Hoè Nai... Rồi tâm thức A Di Đà và sự cứu khổ cứu nạn của Quan Âm cũng rất được coi trọng trong các ngôi chùa ở Hà Thành. Các điêu khắc tượng A Di Đà đặt ở ban cao nhất sau các pho Tam Thế, hay tượng Quan Âm được đẩy lên tiền điện đã thể hiện tư tưởng Tịnh Độ, tư tưởng từ bi cứu khổ cứu nạn. Bên cạnh đó, các pho tượng rất đặc sắc như tượng Dược Sư, tượng Nhật Quang, Nguyệt Quang Bồ Tát được tìm thấy trong một số chùa Hà Nội cũng thể hiện một vị thế riêng của trung tâm Phật giáo đất đế kinh, mà rất hiếm gặp trong hệ thống Phật điện ở các địa phương khác. Tư tưởng thờ Dược Sư này cũng được hình thành khá muộn ở Việt Nam, vào khoảng thế kỷ XVIII.

Hình thức tiền Phật hậu Thánh trong các ngôi chùa Hà Nội không chỉ có giá trị đặc sắc trên phương diện kiến trúc, mà trên các tác phẩm nghệ thuật tạo hình với hệ thống tượng Thánh, tượng hậu cũng chiếm một vị thế đáng kể. Chúng chính là một bộ sử bằng hình ảnh rất quý giá về các vương thân, đại thần, thậm chí cả các vị vua hoặc các vị Thiền sư nổi tiếng của Việt Nam. Những pho tượng này có niên đại khá muộn khoảng sau thế kỷ XVII, trên đủ các chất liệu, như đất, đá gỗ... và được thể hiện bằng các thể loại như phù điêu, tượng tròn... nhưng đều đã góp một tiếng nói quan trọng trong việc nhìn nhận các giá trị lịch sử. Cho dù các chân dung này đa phần là chân dung giả tưởng, nhưng lại phản ánh một cách rất rõ nét những quan niệm của dân gian cũng như triều đại. Chúng ghi nhận và bảo lưu cả các giá trị về trang phục cũng như phong tục tín ngưỡng của người Hà Nội xưa. Người ta có thể biết đến chân dung của Thiền sư Vô Ngôn Thông (ở chùa Kiến Sơ), Khổng Minh Không, Từ Đạo Hạnh (thế kỷ XI), thậm chí cả chân dung của cả thân phụ, thân mẫu của vị Thánh bắt tử này (chùa Lý Quốc Sư). Hình ảnh của Lý Công Uẩn (ở chùa Kiến Sơ), của Lý Thần Tông (ở chùa Láng), của Lê Hy Tông (ở chùa Hoè Nai) vẫn được lưu giữ gắn liền với các sự kiện lịch sử. Các chân dung vua hay các vị Thiền sư này không nhất nhất giống nhau mà ở mỗi di tích lại phản ánh một khía cạnh khác. Như tượng Lý Công Uẩn ở chùa Kiến Sơ không phải là sự đặc tả vị vua đầu triều Lý khi ông đã đứng ở cương vị một người lãnh đạo đất nước mà miêu tả vị vua này khi ở vị thế của một Điện Tiền Chi Huy Sứ, thời điểm mà vua thường lui tới chùa Kiến Sơ để học đạo. Vua Lý Thần Tông thì được khắc họa trong dạng thức của vị Sư - Vua với khuôn đầu để trợ, ngồi vắt chân chữ ngũ nghe lời tâu bày của thiên hạ. Bởi vua Thần Tông vốn được xem là kiếp sau của Từ Đạo Hạnh. Vua Lê Hy Tông lại là người khom lưng công Thiền sư Chân Dung (tổ thứ 2 của dòng Tào Động) để biểu dương sự sấm hối, ngộ Phật, mà qua đó vực dậy tư tưởng của một triều đại. Tượng Từ Đạo Hạnh cũng được nhìn thấy ở các góc cạnh khác nhau. Nếu ở chùa Thầy, chùa Lý Quốc Sư là một chân dung sống động của một

nhà minh triết, khổ hạnh, thì ở chùa Láng - nơi Thánh sinh - chân dung của nhân vật này lại trẻ trung và sáng láng. Gương mặt ông rạng rỡ giống như việc Thánh sinh đã mang đến điềm lành cho thiên hạ.

Bên cạnh đó, các tượng như tượng chúa Trịnh Giang chùa Kim Liên; tượng công chúa như công chúa Ngọc Hân chùa Kiến Sơ; tượng công chúa Từ Hoa, Quỳnh Hoa chùa Kim Liên; tượng Lê Thánh Tông, Quang Thục hoàng hậu (mẹ vua Lê Thánh Tông), Trường Lạc hoàng hậu chùa Huy Văn; tượng bà Lê Thị Ngọc phi của chúa Trịnh Tạc chùa Láng; tượng các tổ các dòng Thiền như: Như Trừng Lâm Giác chùa Liên Phái; Thích Thông Diễm, Thích Tâm Cẩn (chùa Một cột), Thích Đức Nhuận chùa Hoè Nhài... cũng là những pho tượng độc đáo. Vô số các tượng hậu, tượng gửi giỗ cũng được tạc dựng đưa vào thờ trong các chùa. Những nhân vật này đã góp phần tạo nên những sắc thái khác nhau cho Phật giáo Việt Nam nói chung cũng như Phật giáo và các ngôi chùa Phật trên đất Hà Thành nói riêng. Các tác phẩm này đã ghi nhận những quan niệm, kỹ thuật, nghệ thuật đặc tả chân dung của người Việt từ thế kỷ XVII trở về sau.

\*

\*       \*

Có thể thấy rằng, trong các ngôi chùa Hà Nội, từ kiến trúc cho đến điêu khắc đã bộc lộ những vị thế riêng biệt của chúng. Nó vừa là sự hội tụ, tích hợp của các tinh hoa, giá trị trong nghệ thuật dân gian, nhưng đồng thời cũng lại được nâng lên một tầm cao mới. Rồi từ những giá trị mang tính chất chuẩn mực này, chúng lại tạo nên những ảnh hưởng lan tỏa ngược lại đến các ngôi chùa ngoại vi, như cái lẽ tất yếu của sự tiếp biến văn hoá. Những kiến trúc độc đáo như chùa Kim Liên, chùa Diên Hựu, chùa Láng, chùa Trấn Quốc..., những pho tượng khổng lồ như tượng chùa Bà Đá, rồi những pho Quan Âm đặc sắc như Quan Âm chùa Đa Tốn, chùa Lý Nhân, tượng Dược Sư chùa Hoè Nhài, rồi pho tượng độc nhất vô nhị biểu thị sự sám hối của một ông vua công một nhà sư trên lưng... Hệ thống các tượng Thánh, tượng Hậu đã góp một giá trị không nhỏ trong việc nhận diện lịch sử đất Thăng Long... tất cả đã tạo dựng nên một bản sắc riêng của mỹ thuật Thăng Long, trong dòng chảy văn hoá ngàn năm trên đất Việt.

---

#### CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Nguyễn Thế Long - Phạm Mai Hùng, *Chùa Hà Nội*, NXB Văn hoá - Thông tin, 1997.
- <sup>2</sup> *Văn thơ Lý Trần*, tập I, NXB Khoa học Xã hội, 1977.
- <sup>3</sup> Biểu tượng chông diêm hai tầng tám mái có thể xem như biểu tượng của dịch học, mái trên là dương nhẹ, mái dưới là âm nặng, tạo thành biểu tượng của lưỡng nghi. Bốn mái bốn góc tượng trưng cho tứ tượng. Hai lớp mái chông xếp lên nhau chính là sự trùng quái để tạo ra biểu tượng của bát quái. Bát quái theo triết học phương Đông chính là biểu tượng của vũ trụ hoá sinh, sinh hoá.